

Bản án số: 227/2024/DS-PT

Ngày: 28/5/2024

V/v: "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ,
hợp đồng thế chấp và cầm cố tài
sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trí Dũng

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Hồng Dung

Bà Nguyễn Thị Thùy Trang

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Ban - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố
Cần Thơ.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà
Đỗ Thị Hồng Nhi - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 92/2024/TLPT- DS ngày 24 tháng 4 năm
2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng dịch vụ, hợp đồng thế chấp và cầm cố tài
sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024
của Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 41/2024/QĐ-PT ngày 02
tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K2

Trụ sở: Số 40-42-44, Phạm Hồng T, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngọc M – Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trần Nguyễn Khánh C.** (có mặt)

Địa chỉ liên lạc: 3 Hòa Bình, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2024)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư **Nguyễn Văn B**
- Công ty L1- Đoàn Luật sư tỉnh K. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Đặng Văn B1, sinh năm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị K**, sinh năm: 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: khu V, phường T, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà K là ông **Đặng Văn B1**. (có mặt)

(Được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2023).

4. Người kháng cáo: nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm, r và ác tĩa liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Người đại diện ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ông Đặng Văn B1 có giao kết với Ngân hàng TMCP K2 hợp đồng dịch vụ số: 144/HDDV- 2018 ngày 25/04/2018 về việc tư vấn giới thiệu sản phẩm cho vay (trả góp ngày) theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ cho khách hàng có nhu cầu và chịu trách nhiệm đối với việc thẩm định, cấp tín dụng theo thông báo hạn mức bảo lãnh tối đa của cộng tác viên Đặng Văn B1 cho những khách hàng nêu trên. Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay (nợ gốc, lãi, tiền phạt và các khoản phí khác) cho các Hợp đồng tín dụng (vay trả góp) của bên thứ ba (bên vay) mà ông Đặng Văn B1 là cộng tác viên, khi bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ với Ngân hàng, ông Đặng Văn B1 và bà Trần Thị K có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 117/18/HĐTC-BĐS/0402-5893 ngày 23/04/2018; hợp đồng cầm cố tài sản số: 124/19/HĐCC ngày 03/05/2019 và hợp đồng cầm cố tài sản số: 283/19/HĐCC-GTCG/0402-7799 ngày 03/09/2019.

Tài sản bảo đảm gồm:

- Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 078743; số: vào sổ H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/08/2006; số thửa: 324; tờ bản đồ số 07; diện tích: 958m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị + trồng cây lâu năm; tọa lạc tại khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ.

- Thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 682504 phát hành ngày 03/05/2019, nơi phát hành Ngân hàng TMCP K2, số tiền: 80.000.000 đồng (*tám mươi triệu đồng*) và thẻ tiết kiệm có kỳ hạn số AH 708878 phát hành ngày 03/9/2019, nơi phát hành Ngân hàng TMCP K2, số tiền: 100.000.000 đồng (*một trăm triệu đồng*), chủ sở hữu Đặng Văn B1.

Do ông Đặng Văn B1 vi phạm các quy chế, quy trình, quy định cho vay (trả góp ngày), không hợp tác với Ngân hàng để khắc phục hậu quả. Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đặng Văn B1 phải thanh toán cho ngân hàng TMCP K2 số tiền tạm tính đến 22/01/2024 là **1.427.798.565** đồng, trong đó nợ gốc 612.281.910 đồng, lãi trong hạn 61.567.599 đồng, lãi quá hạn 753.949.056 đồng và lãi phát sinh từ ngày

23/01/2024 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp bị đơn không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án phát mãi tài sản thế chấp *theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 117/18/HĐTC-BDS/0402-5893 ngày 23/04/2018* để thu hồi nợ theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn xác định chưa khởi kiện đối với các khách hàng do ông B1 tư vấn, giới thiệu đã vi phạm hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vì theo quy định Ngân hàng được quyền lựa chọn khởi kiện ai trước, giải quyết xong vụ này Ngân hàng sẽ khởi kiện các khách hàng do ông Biên giới thành vụ kiện khác mà không yêu cầu trong vụ án này.

Bị đơn ông Đặng Văn B1 trình bày:

Ông là cộng tác viên của Ngân hàng K2, ông được nhận vào làm cộng tác viên với hình thức là bảo lãnh tài sản của ông. Trong quá trình làm việc ông đã thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, nhưng lúc khách hàng không đóng tiền thì cộng tác viên phải tự bỏ tiền của mình vào để đóng thay số tiền của khách thiếu hàng ngày. Do khách hàng nợ quá nhiều nên ông không còn khả năng bù tiền để đóng cho Ngân hàng, cộng thêm dịch Covid-19 khách hàng không còn khả năng trả nợ.

Ông thống nhất số nợ vốn của các khách hàng theo các hợp đồng tín dụng do ông giới thiệu tính đến ngày 22/01/2024 là **612.281.910 đồng**, ông không đồng ý với yêu cầu của Ngân hàng do ông không vi phạm hợp đồng, nhiều lần ông đề nghị Ngân hàng hỗ trợ trong việc khởi kiện các khách hàng vi phạm hợp đồng để thu hồi nợ nhưng Ngân hàng không đồng ý nên ông không thể thu tiền đối với các khách hàng này. Ông yêu cầu Ngân hàng khởi kiện đối với các khách hàng còn nợ, nếu khách hàng không trả thì ông đồng ý trả theo hợp đồng thế chấp đã ký kết. Đối với việc tắt toán 02 sổ tiết kiệm Ngân hàng tự ý làm mà không hỏi ý kiến của ông cũng như không thông báo cho ông biết nên ông yêu cầu Ngân hàng phải phục hồi trả lại 02 sổ tiết kiệm cùng với số tiền gốc 209.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 30/9/2023; trả lại số tiền ông đã trả thay cho khách hàng là 190.000.000 đồng và tiền lương của ông là 188.160.000 đồng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 19/2024/DS-ST ngày 24 tháng 01 năm 2024, Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên xử như sau:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2 với ông Đặng Văn B1 về việc tranh chấp hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất.

Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 117/18/HĐTC-BDS/0402-5893 ngày 23/4/2018 giữa ông Đặng Văn B1, bà Trần Thị K và Ngân hàng TMCP K2- Phòng giao dịch Ô vô hiệu.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến hợp đồng cầm cố tài sản số: 124/19/HĐCC ngày 03/5/2019 và hợp đồng cầm cố tài sản số: 283/19/HĐCC-GTCG/0402-7799 ngày 03/9/2019.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, án phí, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của đương sự theo luật định.

Ngày 05/2/2024. Bị đơn Ngân hàng TMCP K2 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Tại phiên tòa phúc thẩm người kháng cáo thay đổi nội dung kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Các đương sự còn lại vẫn giữ nguyên ý kiến, yêu cầu như đã trình bày.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:***

Về thủ tục tố tụng: Đương sự và Tòa án các cấp thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án:

Nguyên đơn xác định căn cứ khởi kiện và yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay là hợp đồng thế chấp số 117 ngày 23/4/2018, nhưng thực tế hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho hợp đồng dịch vụ giữa hai bên Ngân hàng với ông B1 và hiện tại hợp đồng dịch vụ 144/HĐV – 2018 ngày 25/4/2018 đã hết thời hạn. Mặt khác, hợp đồng tín dụng là Ngân hàng K2 ký kết với khách hàng vay tiền trong đó có những trường hợp ký kết hợp đồng có tài sản đảm bảo. Do đó nếu khách hàng không thanh toán nợ vay thì Ngân hàng có quyền khởi kiện khách hàng yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Vì vậy Ngân hàng khởi kiện buộc ông B1 trả nợ cho những khách hàng mà ông Biên giới t và phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với án sơ thẩm tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 117 ngày 23/4/2018 giữa ông B1, bà K với Ngân hàng K2 là vượt quá phạm vi xem xét của cấp sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên cần thiết sửa nội dung của bản án sơ thẩm.

Với những ý kiến nêu trên, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự sửa bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2 khởi kiện yêu cầu bị đơn Đặng Văn B1 thanh toán tiền nợ gốc, lãi và được phát mãi tài sản để thu hồi nợ theo các hợp đồng dịch

vụ, hợp đồng thế chấp, hợp đồng cầm cố tài sản mà hai bên đã ký kết, nên Tòa án nhân dân quận Ô Môn xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ, hợp đồng thế chấp và hợp đồng cầm cố tài sản*” theo khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Nguyên đơn thay đổi nội dung đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm; bị đơn Đặng Văn B1 không có yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị K không có yêu cầu độc lập. Do đó trước khi xét yêu cầu kháng cáo Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải xem xét đánh giá lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] *Xét khởi kiện của Ngân hàng yêu cầu ông Đặng Văn B1 phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc, lãi là 1.427.798.565 đồng*

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ gồm: Hợp đồng dịch vụ số: 144/HDDV-2018 ngày 25/4/2018 (BL 106-107); Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 117/18/HĐTC-BĐS/0402-5893 ngày 23/4/2018 (BL 101-103); Hợp đồng cầm cố tài sản số: 124/19/HĐCC ngày 03/5/2019 (BL 99-100) và hợp đồng cầm cố tài sản số: 283/19/HĐCC-GTCG/0402-7799 ngày 03/9/2019 (BL 97-98); Bảng kê thu tiền tín dụng, hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố (BL 01-87).

Thể hiện ngày 25/4/2018 giữa Ngân hàng TMCP K2 và ông Đặng Văn B1 có ký kết hợp đồng dịch vụ số: 144/HĐV-2018 về việc tư vấn sản phẩm và giới thiệu khách hàng với nội dung: ông B1 là cộng tác viên có trách nhiệm giới thiệu và tư vấn sản phẩm cho vay theo quy định của Ngân hàng K2 trong từng thời kỳ cho khách hàng có nhu cầu vay vốn tại Ngân hàng; giới thiệu khách hàng và hỗ trợ thẩm định tín dụng và có nhu cầu vay vốn cho Ngân hàng K2 (khoản 1, Điều 1 của hợp đồng dịch vụ 144). Về quyền lợi, nghĩa vụ của cộng tác viên (CTV) được thể hiện tại khoản 10 Điều 4 của hợp đồng dịch vụ quy định: “*10. Trường hợp khách hàng do CTV giới thiệu phát sinh nợ quá hạn tại K3, CTV sẽ hỗ trợ cung cấp thông tin và phối hợp với nhân viên của K3 nhắc nhở, thúc đẩy khách hàng thanh toán nợ quá hạn*”. Mặt khác, điểm b, khoản 2 Điều 16 Quy chế cho vay trả góp ngày của Ngân hàng TMCP K2 (ban hành kèm theo Quyết định số: 64/QĐ-HĐQT ngày 15/3/2017) (BL 196-201) quy định: “*CTV có nghĩa vụ: thu và nộp đầy đủ gốc và lãi tiền vay hàng ngày của khách hàng do mình thẩm định và đề xuất cho vay hoặc được bàn giao dư nợ*”.

Như vậy, căn cứ vào nội dung của hợp đồng dịch vụ, quy chế cho vay trả góp ngày của Ngân hàng, ông B1 là người có trách nhiệm giới thiệu và tư vấn sản phẩm, đề xuất Ngân hàng cho vay. Theo tài liệu Ngân hàng cung cấp, tính từ ngày 17/5/2019 đến ngày 18/9/2019 (BL 88), tổng số khách hàng mà ông B1 đã giới thiệu

cho Ngân hàng cho vay là 27 khách hàng, số hợp đồng vay Ngân hàng đã phát hành là 50 hợp đồng (BL 228). Trong đó có 21/50 hợp đồng vay có thế chấp tài sản bảo đảm và 29/50 hợp đồng vay tín chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm (BL 287-294) ông B1 và đại diện Ngân hàng thừa nhận, người ký trên các hợp đồng tín dụng kèm hợp đồng cầm cố tài sản là các khách hàng do ông B1 là Cộng tác viên giới thiệu. Tại điểm c và d Điều 15 Quy chế cho vay trả góp ngày của Ngân hàng TMCP K2 (ban hành kèm theo Quyết định số 64/QĐ-HĐQT ngày 15/3/2017) quy định khách hàng có nghĩa vụ “c. Trả góp hàng ngày đầy đủ nợ gốc và lãi vốn vay theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng; d. chịu trách nhiệm trước pháp luật khi không thực hiện đúng những thỏa thuận về trả nợ vay và các nghĩa vụ bảo đảm nợ vay đã cam kết trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp hoặc hợp đồng cầm cố tài sản”. Khi khoản vay quá hạn thì nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi là của khách hàng, người trực tiếp ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng. Do đó yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc ông ông Đặng Văn B1 phải thanh toán số tiền tạm tính đến 22/01/2024 là **1.427.798.565** đồng, trong đó nợ gốc 612.281.910 đồng, lãi trong hạn 61.567.599 đồng, lãi quá hạn 753.949.056 đồng và lãi phát sinh từ ngày 23/01/2024 cho đến khi trả hết nợ là không có cơ sở chấp nhận.

Hiện nay danh sách những khách hàng vay tiền của Ngân hàng do ông B1 phụ trách vẫn còn, để bảo vệ quyền lợi của mình thì Ngân hàng có quyền khởi kiện những khách hàng này để trả nợ cho Ngân hàng.

[2.2] *Xét yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 117/18/HĐTC-BĐS/0402-5893 ngày 23/04/2018 để Ngân hàng thu hồi nợ.*

Ông Đặng Văn B1 và bà Trần Thị K có ký kết với Ngân hàng hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 117/18/HĐTC-BĐS/0402-5893 ngày 23/04/2018 là thửa: 324; tờ bản đồ số 07; diện tích: 958m²; mục đích sử dụng: đất ở đô thị + trồng cây lâu năm; tọa lạc tại khu vực T, phường P, quận Ô, thành phố Cần Thơ theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AG 078743; số: vào sổ H02158 do UBND quận Ô cấp ngày 21/08/2006 cho ông Đặng Văn L, ngày 24/5/2017 đã thừa kế cho ông Đặng Văn B1.

Theo trình bày của Ngân hàng M1 ký hợp đồng thế chấp là để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay (nợ gốc, lãi, tiền phạt và các khoản phí khác) cho các Hợp đồng tín dụng (vay trả góp) của bên thứ ba (bên vay) mà ông Đặng Văn B1 là cộng tác viên, khi bên vay không thực hiện đúng nghĩa vụ với Ngân hàng và Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Thấy rằng: Hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/4/2018, tuy nhiên hợp đồng thế chấp được các bên thỏa thuận và ký trước ngày hợp đồng dịch vụ số: 144 được ký kết và có hiệu lực (ngày 25/4/2018).

Về vấn đề này nguyên đơn cho rằng hợp đồng thế chấp được ký trước là để đảm bảo cho công việc Cộng tác viên của ông B1 tại Ngân hàng. Tại mục 1. Điều 1 của hợp đồng thế chấp có quy định: *“bên A đồng ý dùng tài sản hợp pháp của mình như điều 2 dưới đây để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay (gốc và lãi vốn vay) cho các hợp đồng tín dụng (vay trả góp) của bên thứ ba tại ngân hàng TMCP K2 do ông Đặng Văn B1 là cộng tác viên thẩm định và đề xuất cho vay, với tổng dư nợ gốc tối đa là 500.000.000 đồng”*. Theo quy định tại khoản 1 Điều 317 Bộ luật dân sự 2015 thì *“thế chấp tài sản là việc một bên (sau đây gọi là bên thế chấp) dùng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ và không giao tài sản cho bên kia (sau đây gọi là bên nhận thế chấp)”*, theo đó các bên ký hợp đồng thế chấp để bảo đảm cho việc bị đơn có được công việc tại Ngân hàng, nếu không ký hợp đồng thế chấp thì không được làm Cộng tác viên. Mục đích thật sự khi ký hợp đồng thế chấp là Ngân hàng ràng buộc trách nhiệm với Cộng tác viên, nhằm bảo đảm, bảo lãnh cho công việc cộng tác viên của ông B1, hay khác hơn là bảo đảm cho hợp đồng dịch vụ giữa Ngân hàng và ông B1 chứ không phải bảo lãnh cho các khoản vay theo hợp đồng tín dụng kiêm hợp đồng cầm cố tài sản của khách hàng mà ông B1 thẩm định, đề xuất cho vay. Mặt khác, theo danh sách khách hàng vay CTV Đặng Văn B1 (BL 228) trong 21 hợp đồng có cầm cố tài sản (xe mô tô) nhưng nguyên đơn chưa khởi kiện đối với khách hàng để thu hồi nợ nên chưa có căn cứ xác định khách hàng không trả hoặc trả không đủ, trường hợp các khách hàng do ông Biên giới t không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì nguyên đơn có quyền khởi kiện khách hàng vay tiền, nếu họ không trả tiền theo hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đã cam kết. Do đó, tại thời điểm này Ngân hàng yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 117/18/HĐTC-BĐS/0402-5893 ngày 23/04/2018 để Ngân hàng thu hồi nợ là chưa có cơ sở chấp nhận.

Mặc dù Tòa án cấp sơ thẩm tuyên không chấp nhận yêu cầu phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 117/18/HĐTC-BĐS/0402-5893 ngày 23/04/2018 của Ngân hàng là phù hợp, tuy nhiên cấp sơ thẩm nhận định và đánh giá cho rằng hợp đồng thế chấp bị vô hiệu do giả tạo theo quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự năm 2015 là chưa có cơ sở vững chắc và khi tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp lại không xử lý hậu quả của hợp đồng vô hiệu là chưa giải quyết triệt để vụ án. Mặt khác theo các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án không có đương sự nào đề nghị Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp, do đó cấp sơ thẩm đã giải quyết vượt quá phạm vi khởi kiện của đương sự theo quy định khoản 1 Điều 5 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm sẽ sửa một phần nội dung này của bản án sơ thẩm.

Trong trường hợp ông Đặng Văn B1, bà Trần Thúy K1 cho rằng quyền lợi bị xâm phạm có quyền khởi kiện tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp với Ngân hàng ở vụ án khác để bảo vệ quyền lợi của mình.

[2.3] Đối với 02 Hợp đồng cầm cố tài sản số: 124/19/HĐCC ngày 03/5/2019 và hợp đồng cầm cố tài sản số 283/19/HĐCC-GTCG/0402-7799 ngày 03/9/2019, hiện nay các khoản tiền đã được Ngân hàng cân trừ vào các khoản nợ của khách hàng do ông B1 thẩm định, đề xuất cho vay. Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện liên quan tới việc xử lý hai hợp đồng cầm cố nên đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Dành quyền khởi kiện cho các bên nếu có phát sinh tranh chấp liên quan tới hợp đồng cầm cố tài sản thì sẽ được giải quyết thành vụ kiện khác.

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn có yêu cầu Ngân hàng phải phục hồi trả lại 02 sổ tiết kiệm cùng với số tiền gốc 209.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 30/9/2023; trả lại số tiền ông B1 đã trả thay cho khách hàng là 190.000.000 đồng và tiền lương của ông là 188.160.000 đồng. Thấy rằng bị đơn chỉ trình bày yêu cầu của mình nhưng trong quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm bị đơn không có đơn phản tố và nộp chi phí tạm ứng án phí theo quy định tại Điều 200, Điều 146 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử không thể xem xét ngay yêu cầu này. Bị đơn có quyền làm đơn khởi kiện Ngân hàng TMCP K2 để đòi lại hai sổ tiết kiệm cùng với số tiền đã gửi, khi giải quyết Tòa án sẽ căn cứ vào những quy định của pháp luật để quyết định.

Mặt khác, theo đơn đề nghị xem xét bổ sung đối với bản án sơ thẩm đề ngày 07/5/2024 và lời trình bày ở phiên tòa cấp phúc thẩm hôm nay, ông B1 có yêu cầu bổ sung vào bản án là khi Tòa án tuyên bố vô hiệu hợp đồng thế chấp thì cần phải buộc Ngân hàng hoàn trả lại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất và tuyên hủy đăng ký thế chấp tài sản bảo đảm. Xét, ông B1 không có kháng cáo đối với bản án sơ thẩm và như phân tích ở trên cấp sơ thẩm tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp là chưa có cơ sở vững chắc nên không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

Từ những phân tích trên thể hiện Bản án sơ thẩm tuyên xử không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ mới nên không có căn cứ để chấp nhận. Tuy nhiên cần sửa một phần bản án sơ thẩm do tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp là chưa đủ cơ sở vững chắc.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của nguyên đơn không được chấp nhận nên phải chịu án phí theo quy định.

[5] Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: *Sửa một phần bản án sơ thẩm.*

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2 yêu cầu hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K2 yêu cầu bị đơn Đặng Văn B1 phải thanh toán số tiền tạm tính đến 22/01/2024 là **1.427.798.565** đồng (*một tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm chín mươi tám nghìn, năm trăm sáu mươi lăm đồng*). Trong đó nợ gốc 612.281.910 đồng, lãi trong hạn 61.567.599 đồng, lãi quá hạn 753.949.056 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh từ ngày 23/01/2024 cho đến khi trả hết nợ.

2. Không chấp nhận yêu cầu Ngân hàng được quyền phát mãi tài sản theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản khác gắn liền với đất số 117/18/HĐTC-BDS/0402-5893 ngày 23/4/2018 giữa ông Đặng Văn B1, bà Trần Thị K và Ngân hàng TMCP K2- Phòng giao dịch Ô để thu hồi nợ.

3. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn liên quan đến hợp đồng cầm cố tài sản số: 124/19/HĐCC ngày 03/5/2019 và hợp đồng cầm cố tài sản số: 283/19/HĐCC-GTCG/0402-7799 ngày 03/9/2019.

4. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Nguyên đơn phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*), đã chi xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 54.833.957 đồng (*năm mươi bốn triệu, tám trăm ba mươi ba nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.652.000 đồng (*hai mươi ba triệu, sáu trăm năm mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu số: 011717 ngày 05/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí; nguyên đơn phải nộp thêm 31.181.957 đồng (*ba mươi một triệu, một trăm tám mươi một nghìn, chín trăm năm mươi bảy đồng*).

6. Án phí dân sự phúc thẩm:

Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn*

đồng) theo biên lai số: 0004545 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Nguyên đơn đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền tự thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án, ngày 28/5/2024./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCT;
- TAND Q. Ô Môn.
- Cục THADS Q. Ô Môn;
- Lưu (2b).

Trần Trí Dũng